

Số: 50/2020/QĐST-HNGĐ

Yên Khánh, ngày 05 tháng 8 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 71/2020/TLST-HNGĐ, ngày 20 tháng 7 năm 2020 về việc: “Ly hôn và tranh chấp nuôi con khi ly hôn” giữa:

- **Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị T - Sinh năm 1986.

Địa chỉ: Xóm Đ Trên, đội 2, thôn Thái B, xã Vạn T, huyện Ứng H, thành phố Hà Nội.

- **Bị đơn:** Anh Phạm Văn K - Sinh năm 1985.

Địa chỉ: Xóm 1, xã Khánh T, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình.

Căn cứ vào các Điều 147; Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ Điều 55 và các Điều 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 28 tháng 7 năm 2020.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 28 tháng 7 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Nguyễn Thị T và anh Phạm Văn K.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về con chung (riêng): Giao cháu Phạm Gia L, sinh ngày 18 tháng 02 năm 2012 cho chị Nguyễn Thị T được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu cho đến khi cháu trưởng thành đủ 18 tuổi, tự lập được cuộc sống.

Anh Phạm Văn K không có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho chị Nguyễn Thị T và có quyền đi lại thăm nom con chung.

Chị Nguyễn Thị T và anh Phạm Văn K không ai có con riêng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.2. Về tài sản chung (riêng), công nợ và đất nông nghiệp: Chị Nguyễn Thị T và anh Phạm Văn K đều xác định vợ chồng không có tài sản chung (riêng) về công nợ và đất nông nghiệp không có. Nay ly hôn chị T và anh K đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị T nộp 150.000 đồng (*một trăm năm mươi nghìn đồng*) tiền án phí thuận tình ly hôn sơ thẩm để sung ngân sách Nhà nước. Được trừ vào 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí chị đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2013/0002226 ngày 16 tháng 7 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình.

Hoàn trả lại cho chị Nguyễn Thị T số tiền là 150.000 đồng (*một trăm năm mươi nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình.
- VKSND huyện Yên Khánh.
- Chi cục THADS huyện Yên Khánh.
- UBND xã Khánh T.
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Vũ Nhật Trung